

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1298/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến có hỗ trợ giá vé trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh ban hành Định mức chi tiết kinh tế - kỹ thuật - lao động áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 47/TTr-SGTVT ngày 03/8/2022, Công văn số 2239/SGTVT-KHTC ngày 23/8/2022; ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại các Công văn: Số 2897/STC-QLGCS ngày 07/7/2022 và số 3724/STC-QLGCS ngày 14/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án điều chỉnh giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến có hỗ trợ giá vé trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

1. Giá vé tuyến xe buýt từ thành phố Quảng Ngãi - Ba Tư - Ba Vì (Mã số tuyến 04):

- Cự ly từ Km 0 đến Km 15 (đi đến 1/5 tuyến): 9.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 30 (đi trên 1/5 tuyến đến hết 2/5 tuyến): 16.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 45 (đi trên 2/5 tuyến đến hết 3/5 tuyến): 23.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 60 (đi trên 3/5 tuyến đến hết 4/5 tuyến): 30.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 60 (đi trên 4/5 tuyến đến hết tuyến): 40.000 đồng/lượt hành khách.

2. Giá vé tuyến xe buýt từ thành phố Quảng Ngãi - Minh Long (Mã số tuyến 06):

- Cự ly từ Km 0 đến Km 12 (đi đến 1/3 tuyến): 9.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 24 (đi đến 2/3 tuyến): 14.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 24 (đi trên 2/3 tuyến đến hết tuyến): 20.000 đồng/lượt hành khách.

3. Giá vé tuyến xe buýt từ thành phố Quảng Ngãi - Trà Bồng (Mã số tuyến 08):

- Cự ly từ Km 0 đến Km 11 (đi đến 1/4 tuyến): 9.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 22 (đi trên 1/4 tuyến đến hết 1/2 tuyến): 15.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 33 (đi trên 1/2 tuyến đến hết 3/4 tuyến): 21.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 33 (đi trên 3/4 tuyến đến hết tuyến): 28.000 đồng/lượt hành khách.

4. Giá vé tuyến xe buýt từ thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà - Sơn Tây (Mã số tuyến 09):

- Cự ly từ Km 0 đến Km 13 (đi đến 1/4 tuyến, đoạn thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà): 9.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 26 (đi trên 1/4 tuyến đến hết 1/2 tuyến, đoạn thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà): 15.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến Km 39 (đi trên 1/2 tuyến đến hết 3/4 tuyến, đoạn thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà): 21.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 39 và đến Km 54 (đi trên 3/4 tuyến đến hết tuyến, đoạn thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà): 28.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 54 nhưng dưới Km 67 (đi hết đoạn thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà và đi tiếp đến 1/2 tuyến đoạn Sơn Hà - Sơn Tây): 42.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 67 (đi hết đoạn thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà và đi tiếp trên 1/2 tuyến Sơn Hà - Sơn Tây): 60.000 đồng/lượt hành khách.

5. Giá vé tuyến xe buýt từ thành phố Quảng Ngãi - Tịnh Kỳ (Mã số tuyến 15ND):

- Cự ly từ Km 0 đến Km 13 (đi đến 1/2 tuyến): 9.000 đồng/lượt hành khách.

- Cự ly từ Km 0 đến trên Km 13 (đi trên 1/2 tuyến đến hết tuyến): 18.000 đồng/lượt hành khách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

a) Tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi theo đúng quy định tại Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đặt hàng Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi thực

hiện cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến nội tỉnh và nội đô trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025.

b) Định kỳ, hàng năm lập dự toán kinh phí hỗ trợ giá vé trên một số tuyến theo Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khi các yếu tố hình thành giá vé trên thị trường có sự biến động làm phát sinh tăng hoặc giảm chi phí từ 15% trở lên.

d) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi in ấn, phát hành mẫu vé xe buýt, niêm yết công khai giá vé xe buýt theo đúng quy định của pháp luật về giá, pháp luật về kinh doanh vận tải và pháp luật có liên quan khác.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải lập; thẩm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh phân bổ và thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: Số 355/QĐ-UBND ngày 03/3/2017, số 356/QĐ-UBND ngày 03/3/2017, số 2471/QĐ-UBND ngày 18/12/2017, số 2472/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 827).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh